TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ- ST
Ngày 10 tháng 02 năm 2023
V/v "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ – TỈNH PHÚ THỌ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Vân.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Kiểm
Ông Trần Đình Đậu

Thư ký Tòa án ghi biên bản: Bà Đỗ Thị Minh Hằng - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hưng - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 10/02/2023 tại trụ sở TAND thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 508/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64 ngày 27/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984
ĐKHKTT: Tổ 18, khu 3, phường Vân P, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Hôm nay vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Quốc Đ, sinh năm 1983.
ĐKHKTT: Tổ 18, khu 3, phường Vân P, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: tổ 3A, khu 1, phường Vân C, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Hôm nay vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai tiếp theo chị Nguyễn Thị T trình bày: chị và anh Hoàng Quốc Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường Vân P, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ năm 2010. Sau kết hôn vợ chồng chị về chung sống cùng với bố mẹ chồng tại khu 3, phường Vân P, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vấn đề về kinh tế và vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến tháng 11/2019 thì chị đi lao động làm ăn tại Đài Loan

và vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị đã về Việt Nam nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, không ai quan tâm đến ai. Vì vậy chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh Đ.

Anh Hoàng Quốc Đ trình bày: anh nhất trí về thời gian kết hôn và quá trình chung sống như chị T1 trình bày là đúng. Còn về mâu thuẫn vợ chồng anh Đ cho rằng năm 2019 chị T1 đi làm ăn lao động tại Đài Loan, kể từ khi chị T1 đi lao động tại Đài Loan thì vợ chồng không thường xuyên liên lạc với nhau, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh không đồng ý cho chị T1 đi lao động làm ăn tại Đài Loan, vì vậy kể từ đó vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay chị T1 đã về Việt Nam, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Anh thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T1 vẫn còn nên anh xin được đoàn tụ và không đồng ý ly hôn.

**Về con chung:* chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Quốc Đ xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Nguyễn Bảo M2, sinh ngày 27/01/2011.

Khi ly hôn chị T1 đồng ý giao cho anh Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Bảo M2 đến khi thành niên. Chị T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Bảo M2 cùng anh Đ một tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn) đến khi cháu Bảo M2 thành niên.

Quan điểm của anh Đ: nếu vấn đề ly hôn đặt ra anh xin được là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Bảo M2 đến khi thành niên và yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh theo quy định của pháp luật.

**Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp:* chị T1 và anh Đ xác nhận không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Đây là tranh chấp về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có Tổ 18, khu 3, phường Vân P, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Chỗ ở hiện nay: tổ 3A, khu 1, phường Vân C, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Hoàng Quốc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Đ vắng

mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa ra xét xử vắng mặt chị T1 và anh Đ là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T1 và anh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại tại UBND phường Vân P, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ là phù hợp với luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Theo chị T1 trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vấn đề về kinh tế và vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến tháng 11/2019 thì chị đi lao động làm ăn tại Đài Loan và vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay chị đã về Việt Nam nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, không ai quan tâm đến ai, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh Đ.

Phía anh Đ không đồng ý ly hôn và mong muốn được đoàn tụ, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ cũng không đưa ra được căn cứ nào để chứng minh cho việc anh mong muốn đoàn tụ với chị T1, anh Đ cũng không có biện pháp nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Quá trình hòa giải anh Đ đã trình bày về việc mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị T1 do năm 2019 chị T1 đi làm ăn lao động tại Đài Loan, kể từ khi chị T1 đi lao động tại Đài Loan thì vợ chồng không thường xuyên liên lạc với nhau, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh không đồng ý cho chị T1 đi lao động làm ăn tại Đài Loan, vì vậy kể từ đó vợ chồng không quan tâm đến nhau điều đó chứng tỏ chị T1 và anh Đ đã có mâu thuẫn.

Tại biên bản xác minh ngày 02/12/2022 tại UBND phường Vân P, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, được địa phương cung cấp như sau: chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Quốc Đ đã đăng ký kết hôn tại UBND phường Vân P tháng 7/2010. Anh chị T1 Định có hộ khẩu thường trú tại khu 3, phường Vân P, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Sau kết hôn anh chị T1 Định về chung sống tại khu 3, phường Vân P. Đến năm 2019 thì gia đình anh chị T1 Định đã chuyển đi ở nơi khác không có mặt tại địa phương.

Tại biên bản xác minh ngày 03/01/2023 tại UBND phường Vân C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ được địa phương cung cấp như sau: anh Hoàng Quốc Đ, sinh năm 1983 hiện nay đang sinh sống tại tổ 3a, khu 1, phường Vân C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ từ năm 2021, nhưng thực tế anh Hoàng Quốc Đ có hộ khẩu thường trú tại tổ 18, khu 3, phường Vân P, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Năm 2021 anh Hoàng Quốc Đ chuyển về địa phương sinh sống thì địa phương chỉ thấy anh Đ và 01 con của anh Đ là cháu Hoàng Nguyễn Bảo M2, sinh ngày 27/01/2011 đến ở. Ngoài ra thì địa phương không thấy vợ anh Đ là chị Nguyễn Thị T đến sinh sống cùng. Nay địa phương được Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì cho biết hiện nay chị Nguyễn Thị T

là vợ của anh Đ đang làm thủ tục ly hôn với anh Đ tại Tòa án thành phố Việt Trì. Việc anh Đ và chị T1 có mâu thuẫn hay không thì địa phương không được biết do chị T1 không ở cùng. Vì vậy địa phương đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị T1 Định theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích của các đương sự cũng như quyền và lợi ích của con chung chưa thành niên.

Do vậy về quan hệ hôn nhân xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T1 và anh Đ đã trầm trọng và cuộc sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó nên xử cho chị T1 và anh Đ được ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T đồng ý giao con chung là cháu Hoàng Nguyễn Bảo M2, sinh ngày 27/01/2011 cho anh Hoàng Quốc Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Vì vậy cần giao cháu Hoàng Nguyễn Bảo M2 cho anh Hoàng Quốc Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Khi ly hôn chị T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh Đ một tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn) đến khi con chung thành niên. Phía anh Hoàng Quốc Đ yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh theo quy định của pháp luật. Quan điểm của chị T1 về đóng góp nuôi dưỡng cháu Hoàng Nguyễn Bảo M2 nêu trên là phù hợp nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Quốc Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện VKS nhân dân thành phố Việt Trì có quan điểm: vụ án thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại điện VKS đề nghị Tòa án nhân dân thành phồ Việt trì:

- Về hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Quốc Đ ly hôn; Về con chung: Giao cho anh Hoàng Quốc Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Nguyễn Bảo M2, sinh ngày 27/01/2011 đến khi thành niên. Buộc chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Hoàng Quốc Đ mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn) kể từ khi án có hiệu lực phát luật cho đến khi cháu Minh thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Quốc Đ xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm c khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

* *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Quốc Đ được ly hôn.

* *Về con chung:* Giao cho anh Hoàng Quốc Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Nguyễn Bảo M2, sinh ngày 27/01/2011 đến khi thành niên.

* *Về mức cấp dưỡng nuôi con:* Buộc chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Hoàng Quốc Đ mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn) kể từ khi án có hiệu lực phát luật cho đến khi cháu Minh thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

* *Về tài sản chung, nợ chung, công sức:* chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Quốc Đ xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

* *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Xác nhận bà Nguyễn Thị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0010055 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Chị T1 còn phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Việt Trì;
- Chi cục THADS TP Việt Trì;
- Các đương sự;
- UBND phường Vân P;
- Lưu: HS, VP (10).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hồng Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Vân